

## TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM BẢO CHỮA CHO BỊ CAN, BỊ CÁO TRONG VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT

Lê Đông Doanh<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Khi bào chữa, luật sư cần nhận thức và tranh luận về trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm trong một số tội xâm phạm sở hữu, kỹ năng của luật sư tranh luận về tội danh, về thời điểm hoàn thành tội phạm của tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản; tranh luận về tình tiết hành hung để tẩu thoát và trường hợp coi là "chuyển hóa" một số tội phạm thành tội cướp tài sản. Bài viết trao đổi về một số kinh nghiệm khi bào chữa cho bị can, bị cáo trong vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt. Cụ thể là nhận thức và tranh luận về trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm trong một số tội xâm phạm sở hữu; tranh luận về tội danh, về thời điểm hoàn thành tội phạm của tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản; tranh luận về tình tiết hành hung để tẩu thoát và trường hợp coi là "chuyển hóa" một số tội phạm thành tội cướp tài sản...

**Từ khóa:** Luật sư bào chữa, tội xâm phạm sở hữu, tính chiếm đoạt, hành hung để tẩu thoát, hoàn thành tội cướp tài sản, chuyển hóa tội phạm.

Ngày bài: 10/03/2020; Hoàn thành biên tập: 25/03/2020; Duyệt đăng: 12/06/2020.

**Abstract:** When defending, lawyers should recognize and argue about the acts not constituting crimes in some crimes of offences against the property rights. Lawyer's skills in argumentation about the crime and the completion of robbery, snatching, argue about facts related to assault to escape and cases considered as "converting" some crimes in to crimes of robbery. The article exchanges experiences in defending a client, barrister in cases of offences against rights of property with appropriation. Those are recognition and argumentation about the acts not constituting crimes in some crimes of offences against the property rights, argumentation about the crime and the completion of robbery: snatching, facts related to assault to escape and cases considered as "converting" some crimes in to crimes of robbery.

**Key words:** Barrister, offences against rights of property, appropriation, assault to escape, completion of robbery, converting the crime.

Date of receipt: 10/03/2020; Date of revision: 25/03/2020. Date of Approval 12/06/2020

Việc luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án xâm phạm sở hữu có nhiều nét đặc thù kể từ khi tiếp xúc khách hàng, giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án... Trong phạm vi bài viết này, tác giả xin trao đổi một số kỹ năng của luật sư trong quá trình tham gia nghiên cứu hồ sơ, đề xuất, tranh luận về một số nội dung xác định có tội hay không có tội, tội danh là gì trong các vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nhằm bảo vệ tốt nhất các quyền và lợi ích của bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật.

1. Kiến nghị xử lý hành vi cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, cướp giật tài sản khi trị giá tài sản bị chiếm đoạt hay nhằm chiếm đoạt không đáng kể

Hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm phải có mức nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Mức độ đáng kể này được đánh giá thông qua nhiều tình tiết cụ thể khác nhau. Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không coi là tội phạm và được giải quyết bằng các biện pháp khác (Khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự (BLHS)).

Với quy định nêu trên, luật sư cần nhận thức rằng dù hành vi cướp tài sản, hành vi cưỡng đoạt tài sản hay cướp giật tài sản... không quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản tài sản bị chiếm đoạt hay nhằm chiếm đoạt trị giá bao nhiêu thì bị coi là tội phạm nhưng

<sup>1</sup> Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

điều đó không có nghĩa là mọi trường hợp cướp tài sản, cướp giật tài sản... đều bị xử lý trách nhiệm hình sự - đều bị coi là tội phạm. Chính vì vậy, trong Thông tư liên tịch số 02/2001 TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ công an hướng dẫn một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của BLHS năm 1999 (sau đây xin viết tắt là TTLT số 02/2001) đã quy định, tại điểm 1.3 hướng dẫn bị coi là đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt nếu trước đó đã bị xử phạt hành chính về một trong các hành vi sau đây: a) Hành vi cướp tài sản; b) Hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; c) Hành vi cưỡng đoạt tài sản; d) Hành vi cướp giật tài sản... Một số nội dung của TTLT số 02/2001 hiện vẫn được các cơ quan Tòa án áp dụng.

Việc đánh giá tình chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phải dựa vào nhiều tình tiết khác nhau, song đối với các tội xâm phạm sở hữu thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt hay nhằm chiếm đoạt, có ý nghĩa trọng trong việc xác định hành vi là tội phạm hay chưa bị coi là tội phạm.

Đối với tội cướp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản... do BLHS không quy định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm cơ bản nên việc áp dụng tùy thuộc rất nhiều vào nhận định chủ quan của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong việc xác định một hành vi cụ thể là tội phạm hay không là tội phạm. Ví dụ: A dù 15 tuổi đã có hành vi dùng gậy gỗ đe dọa các cháu học sinh lớp 3, lớp 4 (9 - 10 tuổi) để chiếm đoạt sách vở, tiền ăn sáng của các cháu, với tổng số tiền chiếm đoạt 70.000 đồng. Về dấu hiệu của tội phạm, có thể dù để coi là phạm tội cướp tài sản và đối tượng A có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) (theo Điều 12 và Điều 168 BLHS). Tuy nhiên, trường hợp này luật sư có thể đề nghị cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xem xét tình chất, mức độ nguy hiểm của hành vi từ đó xem xét không truy cứu TNHS đối với A theo Khoản 2 Điều 8 BLHS hoặc có thể đề nghị miễn TNHS theo Điều 90, 91, 92... BLHS. Mặc dù vậy, đề nghị của luật sư có được chấp nhận hay không phụ thuộc nhiều vào ý chí chủ quan của các cơ quan tiến hành tố tụng (THTT). Do chưa có vấn

bản hướng dẫn áp dụng thống nhất nên không tránh khỏi sự không công bằng, bất cập, khó khăn trong quá trình áp dụng.

Từ tình huống nêu trên, chúng tôi kiến nghị cần có Thông tư liên tịch của các cơ quan có thẩm quyền, hướng dẫn thống nhất trong thực tiễn áp dụng đối với các tội cướp tài sản, cướp giật tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản, mà người phạm tội là người dưới 18 tuổi, với những tình tiết cụ thể nào, thì có thể không truy cứu TNHS mà giải quyết bằng các biện pháp khác, theo Khoản 2 Điều 8 BLHS. Ví dụ nội dung hướng dẫn cần cụ thể hóa như độ tuổi, nhân thân người thực hiện hành vi, loại tài sản, giá trị tài sản bị chiếm đoạt hay nhằm chiếm đoạt, mức độ ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội v.v... để làm ranh giới xác định hành vi là tội phạm hay không phải là tội phạm.

## 2. Tranh luận thời điểm hoàn thành tội phạm của tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản

Tội phạm hoàn thành và phạm tội chưa đạt có mức độ nguy hiểm khác nhau nên mức độ TNHS cũng khác nhau. Vì vậy, khi bào chữa, nếu luật sư chứng minh tội phạm chưa hoàn thành thì đã làm giảm nhẹ một phần TNHS theo quy định của BLHS cho bị cáo. Trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu luật sư cần lưu ý một số trường hợp sau:

### Tội cướp tài sản (Điều 168 BLHS)

Theo quy định tại Điều 168 BLHS, người phạm tội khi sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản thì tội cướp tài sản đã hoàn thành. Đây cũng là nhận thức thống nhất của các cơ quan THTT và người THTT trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, trường hợp người phạm tội có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì còn có các quan điểm khác nhau mà chưa được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thống nhất áp dụng trong thực tiễn.

*Ý kiến thứ nhất cho rằng*, hành vi khác có nội dung tương đương với hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc... nên chỉ cần có hành vi khác như dùng thuốc mê, thuốc ngủ... để đưa người quản lý tài sản lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì coi là tội cướp tài sản đã hoàn thành, mà không cần hành vi khác đã làm cho người quản

tài sản - người bị tấn công thực sự lâm vào tình trạng không thể chống cự được?

*Ý kiến thứ hai lại cho rằng*, luật đã mô tả hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm...". Như vậy, nếu người phạm tội đã có hành vi khác mà đưa đến kết quả là người quản lý tài sản lâm vào tình trạng không thể chống cự được, thì tội cướp tài sản mới coi là hoàn thành. Còn nếu thực hiện hành vi khác mà chưa làm cho người quản lý tài sản lâm vào tình trạng không thể chống cự được, thì chưa thể coi là hoàn thành tội cướp tài sản và có thể coi đây là phạm tội cướp chưa đạt.

Theo quan điểm của chúng tôi, về mặt thực tế, hành vi khác có thể được đánh giá mức độ nguy hiểm thấp hơn hành vi dùng vũ lực... nên chỉ khi dùng hành vi khác mà kéo theo người bị tấn công lâm vào tình trạng tê liệt ý chí, không còn khả năng quản lý, bảo vệ tài sản của mình, thì mới coi là tội cướp tài sản đã hoàn thành. Bởi vì, hành vi dùng vũ lực... có mức độ nguy hiểm cao, đã có khả năng làm cho người quản lý tài sản, người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được, cho nên chỉ cần chứng minh việc sử dụng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản, thì tội cướp tài sản đã hoàn thành. Còn hành vi khác trong quy định của điều luật, có mức độ nguy hiểm hạn chế hơn nên cần kéo theo "kết quả" người quản lý tài sản hay người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được, thì mới có tính nguy hiểm tương đương với hành vi dùng vũ lực... và do đó mới coi là tội phạm đã hoàn thành.

Mặt khác, Khoản 1 Điều 168 BLHS đã mô tả là "hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm...". Vì vậy, khi người phạm tội sử dụng loại hành vi khác (ngoài việc dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc...) phải làm cho người quản lý tài sản - người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Luật sư cần nắm rõ nội dung này để bảo chữa cho bị can, bị cáo nếu họ phạm tội cướp tài sản thuộc trường hợp "...có hành vi khác...". Theo đó luật

sư cần tranh luận nội dung này với quan điểm "hành vi khác phải làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được..." thì tội cướp tài sản mới coi là hoàn thành, để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo. Hơn nữa, về nguyên tắc, nếu những vấn đề quy định trong luật còn có ý kiến khác nhau, chưa có giải thích hướng dẫn chính thức, thì luật sư cần đề xuất hiểu theo hướng có lợi cho người phạm tội.

*Đối với tội cướp giật tài sản (Điều 171 BLHS).*

Điều 171 BLHS (Điều 131 BLHS năm 1999) về nội dung trong cấu thành tội phạm (CTTP) cơ bản không có gì khác nhau. Trong Khoản 1 Điều 171 BLHS không mô tả hành vi, các dấu hiệu của tội phạm, mà chỉ nêu người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù... Việc hiểu hành vi khách quan của tội cướp giật tài sản có sự thống nhất, đó là công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác, nhưng thời điểm hoàn thành tội phạm còn có ý kiến khác nhau và do đó không tránh khỏi việc áp dụng khác nhau trong thực tiễn.

*Ý kiến thứ nhất cho rằng*, tội cướp giật tài sản hoàn thành tội phạm khi có hành vi giật tài sản - có hành vi nhanh chóng chiếm đoạt tài sản, không kể việc chiếm đoạt có được hay không. Ví dụ: A có hành vi giật điện thoại của chị B đang đứng nói chuyện với bạn ở vỉa hè đường phố nhưng chị B giữ lại được. Tội cướp giật của A đã hoàn thành. Theo đó, thời điểm hoàn thành tội cướp giật tài sản là khi có dấu hiệu thực hiện hành vi nhanh chóng chiếm đoạt tài sản mà không cần phải chiếm đoạt được tài sản. Nội dung này thể hiện qua việc trình bày dấu hiệu khách quan của tội cướp giật tài sản trong Giáo trình của Trường Đại học Luật Hà Nội<sup>1</sup>.

Một tài liệu khác, cuốn "Bình luận khoa học BLHS năm 1999" của nhiều nhà khoa học trong lực lượng Công an nhân dân do TS. Nguyễn Đức Mai (chủ biên) khi bình luận về tội cướp giật tài sản cũng nêu: "Tội phạm hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện hành vi khách

<sup>1</sup> PGS.TS. Cao Thị Oanh (chủ biên) (2015). *Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tài sản*, Nxb Tư pháp, tr. 24, 25.

<sup>2</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội (2018). *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam. Phần các tội phạm*, Quyển 1, Nxb Công an nhân dân tr 203, 204.

quan được mô tả trong điều luật<sup>4</sup>. Dù không trực tiếp nêu rõ thời điểm hoàn thành tội phạm, nhưng khi khẳng định thời điểm hoàn thành tội phạm khi thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong điều luật, thì cũng có thể hiểu khi người phạm tội thực hiện hành vi nhanh chóng chiếm đoạt tài sản, thì tội phạm coi là hoàn thành (Thực ra điều luật không mô tả hành vi khách quan như thế nào là hành vi cướp giật tài sản).

Theo nhóm ý kiến thứ hai, đó là thời điểm hoàn thành tội phạm khi người phạm tội giật được tài sản, tức là chiếm đoạt được tài sản. Ý kiến này thể hiện ở một số tài liệu như Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm) của nhiều nhà khoa học do GS.TSKH Lê Cẩm chủ biên, đào tạo chương trình cử nhân luật của Đại học Quốc gia Hà Nội khi phân tích về tội cướp giật tài sản tại Điều 136 BLHS năm 1999 nêu rõ: *"Tội cướp giật tài sản có cấu thành vật chất, theo quy định của Điều 136 BLHS (năm 1999) thì phải có hành vi nhanh chóng, công khai và chiếm đoạt được tài sản tội phạm mới ở giai đoạn hoàn thành. Việc chưa chiếm đoạt được tài sản của người khác sẽ là phạm tội chưa đạt hoặc ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội"*.

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm - dùng cho đào tạo trình độ Đại học Công an nhân dân), khi phân tích về một khách quan của tội cướp giật tài sản cũng nêu *"Tội phạm hoàn thành từ khi chiếm đoạt được tài sản"*.

Theo chúng tôi, tội cướp giật tài sản cần được xác định là tội phạm có cấu thành vật chất, thời điểm hoàn thành tội phạm khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản. Tham khảo Hướng dẫn về Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản Xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970 về tội cướp giật tài sản trong tài liệu Hệ thống hóa luật lệ về hình sự - TAND Tối cao năm 1945 - 1974 khi hướng dẫn về tội cướp giật tài sản cũng nêu: "... Kẻ phạm tội có thể có một vài hành vi xâm phạm nhẹ đến thân thể người giữ tài sản không phải với ý thức làm tê liệt sức phản kháng mà chỉ nhằm

tạo điều kiện cho y dễ dàng và nhanh chóng giật được tài sản rồi chạy trốn..." Với nội dung hướng dẫn như vậy, có thể hiểu, quan điểm về tội phạm cướp giật tài sản là chiếm đoạt được tài sản thì tội phạm được coi là hoàn thành.

Luật sư cần lưu ý, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với hành vi phạm tội cướp giật tài sản khi nào tội cướp giật được coi là hoàn thành. Các tài liệu khoa học thì quan điểm cũng khác nhau và những tài liệu này chỉ có ý nghĩa tham khảo khi xem xét TNHS đối với người phạm tội.

Khi luật sư bào chữa cho bị can, bị cáo phạm tội cướp giật tài sản, luật sư cần phân tích hành vi nguy hiểm của tội cướp giật tài sản chỉ là nhanh chóng, công khai chiếm đoạt tài sản, mà không có hành vi chống lại chủ tài sản, không làm nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người quản lý tài sản. Do đó, tội cướp giật tài sản có tính nguy hiểm hoàn toàn khác, ít nghiêm trọng hơn so với tội cướp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản, cho nên thời điểm hoàn thành tội phạm có thể xác định khi giật được tài sản là phù hợp. Trường hợp có hành vi giật tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản, thì phải coi là phạm tội chưa đạt và tất nhiên hình phạt sẽ nhẹ hơn, theo quy định tại Điều 57 BLHS hiện nay.

**3. Tranh luận về việc áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" trong một số tội phạm và một số trường hợp được coi là "chuyên hóa" thành tội cướp tài sản**

TTLT số 02/2011 hướng dẫn một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của BLHS năm 1999 tại mục 6.1 hướng dẫn: áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm d Khoản 2 Điều 136; điểm a Khoản 2 Điều 137; điểm d Khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999) đến nay vẫn còn nguyên ý nghĩa khoa học và vẫn có ý nghĩa áp dụng với điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm b Khoản 2 Điều 172; điểm d Khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015). Theo đó, tình tiết "hành hung" chống lại chủ quản lý tài sản hay người tham gia bắt giữ có thể xảy ra các trường hợp:

<sup>4</sup> TS. Nguyễn Đức Mai (chủ biên) (2015), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, tr.208.

<sup>5</sup> GS. TSKH. Lê Cẩm (chủ biên) (2007), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 256.

<sup>6</sup> *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm - dùng cho đào tạo trình độ Đại học Công an nhân dân)* (2011) Nxb Công an nhân dân, tr.107.

<sup>7</sup> Tòa án nhân dân Tối cao (1974), *Hệ thống báo luật lệ về Hình sự tập 1 năm 1945-1974*, tr. 223.

- Coi là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt với tình tiết "hành hung để tẩu thoát" trong trường hợp người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm mục đích tẩu thoát.

- Cõi là phạm tội cướp tài sản: Trong trường hợp người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì cấu thành tội cướp tài sản.

Như vậy, có sự "chuyển hóa" thành tội cướp tài sản khi hành vi hành hung - dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc với mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản hoặc giành, giữ bằng được tài sản vừa chiếm đoạt được bằng các thủ đoạn khác. Việc "chuyển hóa" từ các tội phạm khác, thành tội cướp tài sản chỉ xảy ra khi tội phạm đang diễn ra hoặc liền sau việc thực hiện tội phạm khác kế tiếp liên tục về thời gian.

Với lập luận nêu trên, luật sư bào chữa, cần chú ý xác định chứng cứ chứng minh mục đích dùng bạo lực - hành hung là để chiếm đoạt bằng được hay giành bằng được, giữ bằng được tài sản vừa chiếm đoạt được bằng các thủ đoạn khác. Đây là dấu hiệu quan trọng mà không thể suy đoán. Cơ sở này phải được chứng minh bằng chứng cứ, bằng hành vi cụ thể mà người phạm tội đã thực hiện.

Ví dụ: A cướp giật dây chuyền vàng của chị B và bỏ chạy. Chị B hô mọi người bắt giữ A. Trong khi chạy, A đã bỏ dây chuyền vào túi quần, khi C ra ngăn chặn bắt giữ A, A đã dùng chân đạp ngã anh C và chạy thoát cùng dây chuyền 5 chỉ vàng. Dây chỉ coi A phạm tội cướp giật tài sản, với tình tiết tăng nặng hành hung để tẩu thoát, vì không có căn cứ để đánh giá mục đích dùng bạo lực, để giữ bằng được tài sản vừa cướp giật được. Không thể suy luận việc A bỏ dây chuyền vàng vào túi và đạp ngã anh C là để giữ bằng được dây chuyền vàng.

Nếu tài sản bị cướp giật là tài sản của chị B có 5 chỉ vàng, anh C ra bắt giữ A như tình huống nêu trên. Khi anh C đã giữ được một quai túi

xách, hai bên giằng co và A đã có hành vi dùng chân đạp ngã anh C để chiếm đoạt bằng được túi xách đựng tiền của chị A thì đây mới coi là "chuyển hóa" thành tội cướp tài sản. Trường hợp này có đủ căn cứ để đánh giá mục đích dùng bạo lực của C là giữ bằng được, giành bằng được tài sản vừa cướp giật được, nên có thể coi là phạm tội cướp tài sản.

**4. Tranh luận về tội danh trong nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt cần căn cứ vào thủ đoạn chiếm đoạt, hành vi chiếm đoạt thực tế của bị can, bị cáo**

Đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt có nhiều nội dung tương tự nhau, như đòi tượng tác động, mặt chủ quan, chủ thể thực hiện tội phạm, việc định tội danh chủ yếu dựa vào hành vi khách quan - hành vi chiếm đoạt tài sản trên thực tế.

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt, thì nhiều vụ án, người phạm tội thực hiện với nhiều giai đoạn, nhiều thủ đoạn khác nhau. Có thể quá trình chuẩn bị thực hiện tội phạm này, nhưng hành vi thực tế lại phạm một tội phạm khác hoặc khi thực hiện hành vi phạm tội có thể đan xen các thủ đoạn như vừa lén lút, vừa có tính gian dối, vừa có tính lợi dụng lòng tin của chủ quản lý tài sản, vừa có tính lợi dụng chức vụ, quyền hạn v.v... luật sư cần nghiên cứu và xác định xem thủ đoạn nào là thủ đoạn quyết định đến việc chiếm đoạt tài sản và vấn đề tội danh được xác định qua thủ đoạn thực tế đó.

Trong trường hợp, một số tội phạm có các dấu hiệu giống nhau thì phải xem xét trong sự kết hợp các dấu hiệu đó với các dấu hiệu khác để định tội danh cho chính xác. Ví dụ, trong các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tuy có cùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt, nhưng kết hợp với các dấu hiệu khác như tài sản giao cho người phạm tội có dựa trên cơ sở hợp đồng hay không? hoặc có hợp đồng nhưng hợp đồng đó có ngay thẳng hay hợp đồng gian dối? v.v... để từ đó định tội đối với hành vi chiếm đoạt tài sản.

Ví dụ 1. A, B muốn chiếm đoạt tài sản của hiệu vàng QH nên A, B đã làm giả 2 vòng bằng sắt mạ vàng, giống kỹ hiệu vàng QH. Sau đó A, B đi xe máy đến hiệu vàng QH, B đứng bên ngoài

cách cửa hàng 20m cùng xe máy, còn A vào hiệu vàng nói với chị C nhân viên bán hàng: “Cho tôi mua 2 cây vàng nhân tròn”. Chị C đưa cho A xem 2 vòng vàng. Lúc này, do đông khách, chị C bán hàng cho khách khác, A đã nhanh tay lấy 2 cây vàng thật bỏ vào túi áo của mình và lấy 2 cây vàng giả để ra mặt quầy bán hàng. Khi chị C quay lại chỗ A thì A nói: “Vàng không đẹp lắm” nên trả 2 vòng vàng lại cho chị C. A đi nhanh ra chỗ B đang chờ sẵn, lên xe máy bỏ chạy. Chị C lấy 2 cây vàng giả bỏ vào quầy đã phát hiện ngay là vàng giả nên hô mọi người bắt giữ nhưng không kịp. Một tuần sau, A và B bị bắt.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cùng truy tố A, B về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS).

Quan điểm của luật sư về thủ đoạn mà A, B chiếm đoạt không phải bằng thủ đoạn gian dối, mặc dù nhìn tổng thể thì A, B có thủ đoạn gian dối như làm vàng giả, giả hỏi mua, đánh trao... nhưng các hành vi này chỉ nhằm tiếp cận tài sản, tiếp cận người quản lý tài sản, che giấu hành vi chiếm đoạt, tạo thuận lợi cho việc chiếm đoạt. Hành vi chiếm đoạt là hành vi lợi dụng đồng khách hàng, chị C không để ý mà A đã nhanh chóng lấy 2 vòng vàng bỏ vào túi và muốn đi ra khỏi cửa hàng mà không bị phát hiện, thì phải có 2 vòng giả thay thế trả lại cho chị C.

Trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người bị hại do tin vào thủ đoạn gian dối nên người bị hại giao tài sản cho người phạm tội. Đối với chị C hoàn toàn không vì thủ đoạn gian dối mà giao tài sản cho A. Chị C khi đưa 2 vòng vàng cho A để trên mặt quầy hàng là cho A xem hàng hóa, chứ không phải giao 2 vòng vàng cho A. Chị C vẫn là người quản lý 2 vòng vàng. Vì vậy, luật sư phải khẳng định A chiếm đoạt 2 vòng vàng là thủ đoạn lên lừa chiếm đoạt tài sản. “lợi dụng lúc chị C đông khách không để ý” nên tội danh của A, B là trộm cắp tài sản mới đúng, mà không phải là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như Viện kiểm sát truy tố.

*Vi dụ 2:* Nhóm A, B, C, D đánh bạc. D do thua và nợ đến 150 triệu đồng của A, B, C. Để có tiền trả nợ, D đã cùng nhóm bàn nhau và thống nhất A, B, C giả vờ bắt trói D. Qua điện thoại, A, B, C cho D nói chuyện với ông K (bố của D) về việc D đang bị bắt giữ do thua bạc A, B, C và đề nghị ông K đem 150 triệu đến để chuộc. Nếu ông K không giao tiền thì A, B, C sẽ giết D. Ông K

trông A, B, C bắt trói D là thật nên đã báo Công an và đồng thời đem đến cho nhóm A, B, C số tiền 150 triệu đồng. Khi đang giao tiền cho A, B, C thì Công an bắt quả tang.

Toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội, chúng ta dễ dàng khẳng định, đây không có vụ bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Vậy, có hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản không? Hành vi bắt cóc D do đồng bọn dàn dựng là hoàn toàn giả tạo, nhưng thủ đoạn này có tạo lòng tin để ông K “tự nguyện” giao tài sản cho nhóm A, B, C không? Vì sao ông K phải giao tài sản? Người bị hại trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do tin vào thủ đoạn gian dối mà giao tài sản và tâm lý của người bị hại lúc giao tài sản hoàn toàn “thoải mái”, gần như “tự nguyện”... Vậy trạng thái tâm lý của ông K trong tình huống nêu trên như thế nào?

Xét về hoàn cảnh, thông tin đưa đến cho ông K là giả mạo, nhưng thông tin này đã tác động đến tâm lý ông K, làm ông K lo sợ đến tình mạng sức khỏe của D, chứ không “tự nguyện, thoải mái” giao tài sản cho A, B, C. Ông K trong trạng thái tâm lý lo sợ, bị ép buộc từ đó mà phải giao tiền cho A, B, C theo yêu cầu. Do vậy, tội danh của A, B, C, D phải là tội cưỡng đoạt tài sản, mà không phải tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Qua các ví dụ nêu trên, luật sư cần nhận thức, đánh giá tội danh phải dựa vào hành vi thực tế mà người phạm tội sử dụng để chiếm đoạt tài sản, đồng thời, đối chiếu với các dấu hiệu quy định trong cấu thành tội phạm để xác định tội danh của bị can, bị cáo và từ đó có hướng bảo chữa phù hợp./

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an – Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân – giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm) năm 2011 (dùng cho đào tạo trình độ đại học Công an nhân dân).
2. Đại học Quốc gia Hà Nội (2003), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần tội phạm) Nxb Đại học Quốc.
3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm, Quyển 1 – Nxb Công an nhân dân.
4. Tòa án nhân dân Tối cao (1974), Hệ thống hóa luật lệ về Hình sự tập 1 năm 1945.
5. PGS.TS. Cao Thị Oanh (chủ biên) (2015), Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tài sản. Nxb Tư pháp.